

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 15 – 12 – 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Ông Huỳnh Văn Đường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX - ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 40, đường T, khu phố 3, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Văn Công T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố B, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:***

Chị và anh Văn Công T1 sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G vào ngày 19/6/2015, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do

không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cãi vã thường xuyên. Nên ngày 26/12/2019 chị T về nhà mẹ đẻ ở. Cuối tháng 4 năm 2020, anh T1 có xuồng hòa giải nên chị T quay về đoàn tụ nhưng ở chung được hai tháng thì chị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, áp lực nên từ tháng 7 năm 2020 chị về thành phố Thủ Dầu Một ở với dì ruột được một thời gian rồi về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

Chị T và anh T1 không có con chung; không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Văn Công T1 trình bày:*

Anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G vào ngày 19/6/2015. Trong thời gian chung sống, anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế trong gia đình. Cuối năm 2019, trong một lần mâu thuẫn anh T1 có đánh chị T nên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột ở được 04 tháng, sau đó chị T quay về ở với anh được 02 tháng rồi tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Anh T1 không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T, anh mong muốn chị T cho anh một cơ hội để đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; nếu chị T cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T1 trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

***Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng T1 phần, thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa: nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với anh Văn Công T1 đang cư trú tại khu phố B, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyền số 01/2015. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh T1 đều thừa nhận, trong thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên chị T cũng đã nhiều lần ra ngoài sống riêng, hiện cả hai đã tự sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, trong quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ (BL 18, 19) cũng thể hiện tình trạng hôn nhân đúng như chị T và anh T1 đã trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Văn Công T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T anh T1 thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0007xxx ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

*“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long;
- UBND phường G
- (số 18, quyền số 01/2015 ngày 19/6/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Trần Ánh Nguyệt**

